

# CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

---

**CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CITY  
AUTO**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ  
PHẦN CITY AUTO  
DN: E=tr@cityford.com.vn,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=  
MST:0307979603, CN=CÔNG  
TY CỔ PHẦN CITY AUTO, L=  
218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp  
Bình Chánh, Thành Phố Thủ Đức  
, Thành Phố Hồ Chí Minh", S=TP  
Hồ Chí Minh, C=VN  
Reason: I am the author of this  
document  
Location:  
Date: 2025.03.31 14:28:57+07'00'  
Foxit PDF Editor Version:  
2023.1.0

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

**Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
đã được kiểm toán**

---

## MỤC LỤC

| <b>NỘI DUNG</b>                                 | <b>TRANG</b> |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC                   | 3 - 4        |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP                       | 5 - 6        |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN    |              |
| - Bảng cân đối kế toán hợp nhất                 | 7 - 8        |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 9            |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất           | 10           |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất        | 11 - 45      |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần City Auto (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2023 kết thúc ngày 31/12/2024.

Công ty Cổ Phần City Auto (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 19 ngày 23/12/2024 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh.

**Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty:** Mua bán xe ô tô, phụ tùng, phụ kiện, máy móc thiết bị; dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô, xe gắn máy và máy móc thiết bị.

### Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 19 là: 956.538.590.000 đồng

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/12/2024: 956.538.590.000 đồng

### Hội đồng quản trị Công ty gồm:

|                            |            |                           |
|----------------------------|------------|---------------------------|
| Ông Trần Ngọc Dân          | Chủ tịch   | bổ nhiệm ngày 30/6/2024   |
| Ông Trần Lâm               | Thành viên | bổ nhiệm ngày 30/6/2024   |
| Ông Nguyễn Đăng Hoàng      | Thành viên | bổ nhiệm ngày 30/6/2024   |
| Ông Trần Quang Trí         | Thành viên | bổ nhiệm ngày 30/6/2024   |
| Ông Phan Hoàng Sơn         | Thành viên | bổ nhiệm ngày 30/6/2024   |
| Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến | Thành viên | miễn nhiệm ngày 30/6/2024 |

### Ban Tổng giám đốc Công ty gồm:

|                       |               |   |
|-----------------------|---------------|---|
| Ông Nguyễn Đăng Hoàng | Tổng Giám đốc | miễn nhiệm ngày 03/12/2024                              |
| Ông Trần Lâm          | Tổng Giám đốc | bổ nhiệm ngày 03/12/2024<br>/miễn nhiệm ngày 03/01/2025 |

### Ban kiểm soát gồm:

|                        |            |                           |
|------------------------|------------|---------------------------|
| Bà Hoàng Thị Thanh Hải | Trưởng ban | bổ nhiệm ngày 30/6/2024   |
| Bà Đỗ Thị Như Duyên    | Thành viên | bổ nhiệm ngày 30/6/2024   |
| Bà Trần Thị Ân         | Thành viên | bổ nhiệm ngày 30/6/2024   |
| Ông Đào Trọng Vũ       | Trưởng ban | miễn nhiệm ngày 30/6/2024 |
| Ông Lê Danh Thủ        | Thành viên | miễn nhiệm ngày 30/6/2024 |

### Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Nghị quyết HĐQT số: 03/2025/NQHĐQT-CTF ngày 03/01/2025 về việc chấp thuận đơn từ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của ông Trần Lâm và bổ nhiệm ông Trần Quang Trí giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần City Auto.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trong năm 2024. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

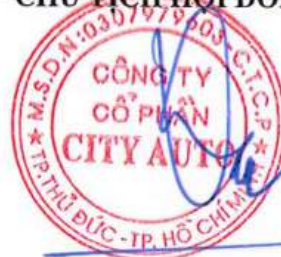
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN NGỌC DÂN

Số: 276.HN/2024/DFK - BCKiT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ Phần City Auto**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần City Auto, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025*

**Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam**



**Nguyễn Lương Nhân**

**Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0182-2023-042-1

**Lê Đình Huyền**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1756-2023-042-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: đồng

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A. Tài sản ngắn hạn</b>                   | <b>100</b> |             | <b>2.780.516.388.126</b> | <b>2.591.993.219.472</b> |
| <i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i> | <b>110</b> | V.01        | <b>69.029.863.474</b>    | <b>61.180.164.578</b>    |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 69.029.863.474           | 61.180.164.578           |
| <i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>         | <b>120</b> |             | -                        | -                        |
| <i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>      | <b>130</b> |             | <b>2.076.658.540.820</b> | <b>1.876.909.467.615</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | V.02        | 987.474.019.852          | 1.019.571.982.799        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | V.03        | 323.928.870.820          | 187.131.045.007          |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | V.04        | 765.143.051.437          | 670.113.741.670          |
| 4. Tài sản thiếu chờ xử lý                   | 139        | V.05        | 112.598.711              | 92.698.139               |
| <i>IV. Hàng tồn kho</i>                      | <b>140</b> | V.06        | <b>613.979.287.300</b>   | <b>613.891.376.856</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | 618.922.571.855          | 618.834.661.411          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149        |             | (4.943.284.555)          | (4.943.284.555)          |
| <i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>              | <b>150</b> |             | <b>20.848.696.532</b>    | <b>40.012.210.423</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | V.07        | 11.764.494.065           | 17.465.499.250           |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        | V.16        | 8.642.482.214            | 22.540.158.256           |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        | V.16        | 441.720.253              | 6.552.917                |
| <b>B. Tài sản dài hạn</b>                    | <b>200</b> |             | <b>1.137.114.950.794</b> | <b>1.065.463.416.943</b> |
| <i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>         | <b>210</b> |             | <b>368.987.370.210</b>   | <b>316.621.554.348</b>   |
| 1. Phải thu dài hạn khác                     | 216        | V.04        | 368.987.370.210          | 316.621.554.348          |
| <i>II. Tài sản cố định</i>                   | <b>220</b> |             | <b>214.648.332.733</b>   | <b>189.832.983.888</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | V.09        | 122.408.998.134          | 100.037.213.314          |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 208.645.717.461          | 172.566.927.606          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |             | (86.236.719.327)         | (72.529.714.292)         |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính            | 224        | V.10        | 5.538.442.223            | 2.838.500.119            |
| - Nguyên giá                                 | 225        |             | 6.137.445.000            | 2.970.523.380            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 226        |             | (599.002.777)            | (132.023.261)            |
| 3. Tài sản cố định vô hình                   | 227        | V.11        | 86.700.892.376           | 86.957.270.455           |
| - Nguyên giá                                 | 228        |             | 90.029.136.445           | 89.323.136.441           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 229        |             | (3.328.244.069)          | (2.365.865.986)          |
| <i>III. Bất động sản đầu tư</i>              | <b>230</b> |             | -                        | -                        |
| <i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>           | <b>240</b> |             | <b>37.707.555.806</b>    | <b>41.920.709.054</b>    |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 242        | V.12        | 37.707.555.806           | 41.920.709.054           |
| <i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>           | <b>250</b> |             | <b>414.840.000.000</b>   | <b>408.437.923.639</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết   | 252        | V.13        | 26.000.000.000           | 26.000.000.000           |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            | 253        | V.13        | 140.950.000.000          | 205.000.000.000          |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 255        | V.13        | 247.890.000.000          | 177.437.923.639          |
| <i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>              | <b>260</b> |             | <b>100.931.692.045</b>   | <b>108.650.246.014</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | V.07        | 23.724.924.254           | 17.290.685.819           |
| 2. Lợi thế thương mại                        | 269        | V.08        | 77.206.767.791           | 91.359.560.195           |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>270</b> |             | <b>3.917.631.338.920</b> | <b>3.657.456.636.415</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: đồng

| NGUỒN VỐN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>C. Nợ phải trả</b>                          | <b>300</b> |             | <b>2.795.119.067.668</b> | <b>2.582.798.831.313</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b> |             | <b>2.417.958.978.583</b> | <b>2.220.303.698.124</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 311        | V.14        | 217.056.737.424          | 220.537.581.204          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | 312        | V.15        | 62.692.978.996           | 52.292.079.677           |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 313        | V.16        | 15.682.296.480           | 11.023.524.467           |
| 4. Phải trả người lao động                     | 314        |             | 15.554.396.110           | 12.286.064.620           |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 315        | V.17        | 16.918.523.271           | 8.799.947.394            |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn           | 318        |             | 507.614.192              | 328.424.208              |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác                      | 319        | V.18        | 46.848.431.899           | 55.215.365.916           |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn           | 320        | V.19        | 2.041.682.704.872        | 1.858.337.969.859        |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | 322        | V.20        | 1.015.295.339            | 1.482.740.779            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b> |             | <b>377.160.089.085</b>   | <b>362.495.133.189</b>   |
| 1. Phải trả dài hạn khác                       | 337        | V.18        | 15.570.000.000           | 33.000.000.000           |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn            | 338        | V.19        | 361.590.089.085          | 329.495.133.189          |
| <b>D. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>400</b> |             | <b>1.122.512.271.252</b> | <b>1.074.657.805.102</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> |             | <b>1.122.512.271.252</b> | <b>1.074.657.805.102</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                      | 411        | V.21        | 956.538.590.000          | 893.964.630.000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |             | 956.538.590.000          | 893.964.630.000          |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                        | 412        | V.21        | 19.004.385.000           | 19.004.385.000           |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển                       | 418        | V.21        | 4.367.682.760            | 4.367.682.760            |
| 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        | V.21        | 1.215.200.961            | 1.215.200.961            |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        | V.21        | 57.141.470.070           | 73.283.929.477           |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 10.709.969.477           | 32.296.606.468           |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 46.431.500.593           | 40.987.323.009           |
| 6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát         | 429        | V.22        | 84.244.942.461           | 82.821.976.904           |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>          | <b>430</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     | <b>440</b> |             | <b>3.917.631.338.920</b> | <b>3.657.456.636.415</b> |

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

Trương Thị Hồng Vân  
Người lập biểu  
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Lê Thị Phú  
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Dân  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

| TT  | CHỈ TIÊU  | Mã số | Thuyết minh | Năm 2024                 | Năm 2023                 |
|-----|---|-------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1.  | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                    | 1     |             | 8.540.961.690.726        | 7.385.878.456.457        |
| 2.  | Các khoản giảm trừ doanh thu                              | 2     |             | 366.887.363.858          | 285.095.490.000          |
| 3.  | <b>Doanh thu thuần về bán hàng &amp; cung cấp dịch vụ</b> | 10    | VI.01       | <b>8.174.074.326.868</b> | <b>7.100.782.966.457</b> |
| 4.  | Giá vốn hàng bán  | 11    | VI.02       | 7.700.506.800.316        | 6.690.763.063.572        |
| 5.  | <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>      | 20    |             | <b>473.567.526.552</b>   | <b>410.019.902.885</b>   |
| 6.  | Doanh thu hoạt động tài chính                             | 21    | VI.03       | 226.151.174.620          | 184.630.316.233          |
| 7.  | Chi phí tài chính   | 22    | VI.04       | 176.547.216.957          | 157.819.115.992          |
|     | - Trong đó: Chi phí lãi vay                               | 23    |             | 176.547.072.111          | 157.774.499.055          |
| 8.  | Phần lãi/ (lỗ) trong công ty liên kết                     | 24    |             | -                        | -                        |
| 9.  | Chi phí bán hàng  | 25    | VI.05       | 344.271.900.821          | 307.125.628.529          |
| 10. | Chi phí quản lý doanh nghiệp                              | 26    | VI.06       | 138.426.676.792          | 112.621.604.633          |
| 11. | <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>            | 30    |             | <b>40.472.906.602</b>    | <b>17.083.869.964</b>    |
| 12. | Thu nhập khác   | 31    | VI.07       | 26.190.581.907           | 38.882.158.623           |
| 13. | Chi phí khác  | 32    | VI.08       | 9.617.248.924            | 2.085.787.950            |
| 14. | <b>Lợi nhuận khác</b>                                     | 40    |             | <b>16.573.332.983</b>    | <b>36.796.370.673</b>    |
| 15. | <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                  | 50    |             | <b>57.046.239.585</b>    | <b>53.880.240.637</b>    |
| 16. | Chi phí thuế TNDN hiện hành                               | 51    | VI.09       | 9.110.424.414            | 9.833.120.043            |
| 17. | Thu nhập thuế TNDN hoãn lại                               | 52    |             | -                        | -                        |
| 18. | <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>           | 60    |             | <b>47.935.815.171</b>    | <b>44.047.120.594</b>    |
| 19. | Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ                         | 61    |             | 46.431.500.593           | 40.987.323.009           |
| 20. | Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát            | 62    |             | 1.504.314.578            | 3.059.797.585            |
| 21. | <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                           | 70    | VI.10       | <b>519</b>               | <b>517</b>               |
| 22. | <b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>                         | 71    | VI.11       | <b>519</b>               | <b>517</b>               |

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trần Ngọc Dân

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU  | Mã số | Năm 2024            | Năm 2023            |
|---|-------|---------------------|---------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>   |       |                     |                     |
| <i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>  | 01    | 57.046.239.585      | 53.880.240.637      |
| <i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>  |       |                     |                     |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT  | 02    | 21.158.323.524      | 18.622.272.814      |
| Các khoản dự phòng  | 03    | -                   | (3.570.151.900)     |
| (Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05    | (233.461.976.975)   | (185.624.585.899)   |
| Chi phí lãi vay   | 06    | 176.547.072.111     | 157.774.499.055     |
| <i>3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>                               | 08    | 21.289.658.245      | 41.082.274.707      |
| (Tăng) giảm các khoản phải thu  | 09    | (76.193.531.443)    | (536.880.894.637)   |
| (Tăng) giảm hàng tồn kho  | 10    | 61.685.839.982      | (137.482.604.730)   |
| Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    | (26.780.706.535)    | 171.979.280.142     |
| (Tăng) giảm chi phí trả trước   | 12    | 16.982.845.122      | 3.714.338.749       |
| Tiền lãi vay đã trả   | 14    | (177.418.592.305)   | (158.166.677.905)   |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 15    | (9.566.851.368)     | (26.947.526.455)    |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh  | 17    | (467.445.440)       | (1.051.067.999)     |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>  | 20    | (190.468.783.742)   | (643.752.878.128)   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>  |       |                     |                     |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                  | 21    | (31.855.951.034)    | (60.639.294.232)    |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, các tài sản dài hạn khác                                 | 22    | 12.653.721.676      | 7.512.272.726       |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác  | 23    | (41.000.000.000)    | -                   |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25    | (128.255.320.259)   | (326.000.000.000)   |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26    | 183.799.700.000     | 36.500.000.000      |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   | 27    | 124.365.802.229     | 39.719.003.868      |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>  | 30    | 119.707.952.612     | (302.908.017.638)   |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>  |       |                     |                     |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                                     | 31    | -                   | 57.013.155.000      |
| Tiền thu từ đi vay  | 33    | 7.701.776.784.484   | 7.068.275.284.310   |
| Tiền trả nợ gốc vay   | 34    | (7.618.679.756.458) | (6.191.975.426.193) |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36    | (4.486.498.000)     | (21.429.454)        |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>   | 40    | 78.610.530.026      | 933.291.583.663     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>  | 50    | 7.849.698.896       | (13.369.312.103)    |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm  | 60    | 61.180.164.578      | 74.549.476.681      |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ   | 61    | -                   | -                   |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>  | 70    | 69.029.863.474      | 61.180.164.578      |

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trần Ngọc Dân

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2024

### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 19 ngày 23/12/2024 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là CTF kể từ ngày 30/5/2017 theo Quyết định số 159/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2017.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 226 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 283 người).

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Thương mại – Dịch vụ**

#### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt;
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng**

#### **5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.**

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính tại số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty có các Chi nhánh và kho hàng hoạt động như sau:
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
  - Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
  - Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004;
  - Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003;
  - Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-005.
  - Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh 824 đặt tại 824 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-007.

➤ Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 07 công ty con được hợp nhất như sau:

| Tên Công ty                        | Địa chỉ  | Lĩnh vực kinh doanh  | Tỷ lệ lợi ích | Quyền biểu quyết |
|------------------------------------|--|----------------------|---------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ        | Lô B1 đường C2, KCN Cát Lái 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh                        | Thương mại – dịch vụ | 96,00%        | 96,00%           |
| Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang     | 51 Lê Hồng Phong, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa                                | Thương mại – dịch vụ | 52,00%        | 52,00%           |
| Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh  | số 682A, Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh                                       | Thương mại – dịch vụ | 96,52%        | 96,52%           |
| Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu | Số 224, Quốc lộ 51, P. Kim Dinh, Tp. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu                                    | Thương mại – dịch vụ | 100%          | 95,00%           |
| Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận     | Lô DVTM-08 và lô DVTM-11, Đường số 7, Khu chế xuất Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh | Thương mại – dịch vụ | 90,00%        | 90,00%           |
| Công ty Cổ phần ô tô Phú Yên       | Thôn Đông Phước, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên  | Thương mại – dịch vụ | 70,20%        | 99,00%           |
| Công ty Cổ phần VW Tân Thuận       | Lô DVTM-08, Đường số 7, Khu chế xuất Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh               | Thương mại – dịch vụ | 99,00%        | 99,00%           |

### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối năm.

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

### 1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

### III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Cơ sở kế toán và nghĩa vụ thuế, thực hiện theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

#### 2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Các căn cứ pháp lý làm cơ sở để hợp nhất báo cáo

- Chuẩn mực kế toán số 07 – Đầu tư vào Công ty Liên kết
- Chuẩn mực kế toán số 08 – Thông tin về các khoản góp vốn liên doanh
- Chuẩn mực kế toán số 11 – Hợp nhất kinh doanh
- Chuẩn mực kế toán số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con
- Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

##### - Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

##### - Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### - Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đối với tiền mặt tại thời điểm lập báo cáo, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với tiền gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có sự chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại

## **2. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

*Dự phòng nợ phải thu khó đòi:* các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

## **3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

### **- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

### **- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ**

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

### **- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### **- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## **4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

### **- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

### Phần mềm kế toán

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

#### - Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng trừ dần nguyên giá tài sản cố định, thời gian ước tính như sau:

| <u>Loại tài sản</u>         | <u>Thời gian khấu hao</u> |
|-----------------------------|---------------------------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc     | 25 năm                    |
| - Máy móc, thiết bị         | 05 - 06 năm               |
| - Phương tiện vận tải       | 05 - 06 năm               |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm               |
| - Phần mềm                  | 03 - 05 năm               |

### 5. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn...

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý;

Phân loại:

- Chi phí trả trước ngắn hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoản thời gian không quá 12 tháng hoặc 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.
- Chi phí trả trước dài hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước; lợi thế thương mại và lợi thế kinh doanh còn chưa phân bổ vào chi phí tại thời điểm báo cáo.

### 6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

#### *Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Việc phân chia lợi nhuận của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- *Quỹ đầu tư phát triển:* Nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi:* Nhằm đem lại phúc lợi chung cho công nhân viên.

### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

### **Thu nhập khác**

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập từ quà, biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

### **11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

### **12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng**

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

### **14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý**

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

### **15. Chi phí khác**

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Các khoản chi phí khác không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

### **16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 26 và thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài Chính.

### **17. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

### **18. Công cụ tài chính**

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

---

### 19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

### 20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

|   | Số cuối năm            | Số đầu năm               |
|---|------------------------|--------------------------|
| <b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>  |                        |                          |
| <b>Tiền mặt</b>   | <b>876.508.631</b>     | <b>1.482.781.456</b>     |
| - Tại Công ty Cổ phần City Auto   | 240.260.676            | 764.154.615              |
| - Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ   | 6.450.590              | 29.140.150               |
| - Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)   | 171.359.193            | 589.862.969              |
| - Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)  | 119.648.701            | 55.643.995               |
| - Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận  | 106.266.361            | 43.979.727               |
| - Tại Công ty Cổ phần VW Tân Thuận  | 232.523.110            | -                        |
| <b>Tiền gửi ngân hàng</b>   | <b>68.153.354.843</b>  | <b>59.697.383.122</b>    |
| - Tại Công ty Cổ phần City Auto   | 8.839.160.660          | 27.234.687.011           |
| - Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ   | 11.247.666.375         | 2.405.364.665            |
| - Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)   | 21.061.949.738         | 1.203.345.382            |
| - Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)  | 15.356.396.084         | 27.552.079.682           |
| - Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận  | 2.755.333.463          | 1.296.956.997            |
| - Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu  | 4.691.892              | 4.949.385                |
| - Tại Công ty Cổ phần VW Tân Thuận  | 8.888.156.631          | -                        |
| <b>Cộng</b>   | <b>69.029.863.474</b>  | <b>61.180.164.578</b>    |
| <b>2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>  | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b>        |
| - Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)                               | 525.074.813.901        | 528.184.115.756          |
| - Công ty CP Easy Car   | 47.618.319.109         | 161.684.133.684          |
| - Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (Bên liên quan)  | 413.483.813.235        | 329.703.733.359          |
| - Công ty Cổ phần Auto Dĩ An – Bình Dương (bên liên quan)                                     | 1.297.073.607          | -                        |
| <b>Cộng</b>   | <b>987.474.019.852</b> | <b>1.019.571.982.799</b> |
| <b>3. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>  | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b>        |
| - Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (Bên liên quan)  | 169.428.070.588        | 17.809.004.151           |
| - Công Ty TNHH Minh Long  | 123.594.379.437        | 147.512.477.783          |
| - Công ty Cổ phần Auto Dĩ An – Bình Dương (bên liên quan)                                     | 101.000.000            | -                        |
| - Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác   | 30.805.420.795         | 21.809.563.073           |
| <b>Cộng</b>   | <b>323.928.870.820</b> | <b>187.131.045.007</b>   |
| <b>4. Phải thu khác</b>   | <b>Số cuối năm</b>     | <b>Số đầu năm</b>        |
| <b>a) Ngắn hạn</b>  |                        |                          |
| - Phải thu hỗ trợ bán hàng từ nhà cung cấp chính  | 67.213.744.816         | 86.277.146.593           |
| - Phải thu khác từ Công ty CP Bất Động Sản Bảo Long   | 30.870.905.555         | 32.315.999.178           |
| - Phải thu khác từ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (Bên liên quan)                           | 180.934.652.782        | 229.645.228.433          |
| - Phải thu tiền cho mượn đến các cá nhân  | 95.395.132.522         | 75.262.058.068           |
| - Phải thu khác Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương (bên liên quan)                       | 3.367.130.686          | 1.768.974.686            |
| - Phải thu khác từ Công ty TNHH Minh Long   | 34.972.859.796         | 27.217.666.720           |
| - Phải thu ngắn hạn tiền góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh cho Công ty CP Easy Car | 14.204.590.000         | 14.204.590.000           |
| - Các khoản tạm ứng   | 7.674.597.830          | 3.520.897.889            |
| - Ký quỹ cho Công ty TNHH Minh Long cải tạo nhà xưởng   | 137.160.000.000        | 65.160.000.000           |
| - Ký quỹ ngắn hạn khác  | 84.763.311.000         | 35.995.777.800           |
| - Các khoản phải thu khác   | 108.586.126.450        | 98.745.402.303           |
| <b>Cộng</b>   | <b>765.143.051.437</b> | <b>670.113.741.670</b>   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**b) Dài hạn**

|   |                        |                        |
|---|------------------------|------------------------|
| - Ký quỹ thuê văn phòng Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô<br>(Bên liên quan) | 334.601.000.000        | 225.718.023.972        |
| - Ký quỹ dài hạn thuê văn phòng cho Công ty TNHH Minh Long                  | -                      | 72.000.000.000         |
| - Ký quỹ dài hạn và các khoản phải thu khác                                 | 34.386.370.210         | 18.903.530.376         |
| <b>Cộng</b>   | <b>368.987.370.210</b> | <b>316.621.554.348</b> |

**5. Tài sản thiếu chờ xử lý**

|                | Số cuối năm        |          | Số đầu năm        |          |
|----------------|--------------------|----------|-------------------|----------|
|                | Giá trị            | Số lượng | Giá trị           | Số lượng |
| - Hàng tồn kho | 112.598.711        | -        | 92.698.139        | -        |
| <b>Cộng</b>    | <b>112.598.711</b> | <b>-</b> | <b>92.698.139</b> | <b>-</b> |

**6. Hàng tồn kho**

|                            | Số cuối năm            |                        | Số đầu năm             |                        |
|----------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                            | Giá gốc                | Dự phòng               | Giá gốc                | Dự phòng               |
| - Công cụ dụng cụ          | 108.980.578            | -                      | 2.059.337.739          | -                      |
| - Chi phí sản xuất dở dang | 9.814.221.009          | -                      | 8.210.178.475          | -                      |
| - Hàng hóa <b>(6.1)</b>    | 608.999.370.268        | (4.943.284.555)        | 608.565.145.197        | (4.943.284.555)        |
| <b>Cộng</b>                | <b>618.922.571.855</b> | <b>(4.943.284.555)</b> | <b>618.834.661.411</b> | <b>(4.943.284.555)</b> |

**(6.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:**

|   | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------------------|------------------------|
| <b>Xe các loại</b>                      | <b>524.523.977.993</b> | <b>529.334.598.801</b> |
| - Tại Công ty Cổ phần City Auto         | 84.663.204.538         | 200.822.243.945        |
| - Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ       | 61.495.699.993         | 119.179.952.261        |
| - Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang    | 90.547.409.081         | 62.601.579.737         |
| - Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh | 184.119.396.997        | 129.117.450.131        |
| - Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận    | 47.895.740.902         | 17.613.372.727         |
| - Tại Công ty Cổ phần VW Tân Thuận      | 55.802.526.482         | -                      |
| <b>Phụ tùng, phụ kiện</b>               | <b>84.475.392.275</b>  | <b>79.230.546.396</b>  |
| - Tại Công ty Cổ phần City Auto         | 34.742.985.510         | 36.902.526.840         |
| - Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ       | 21.865.041.676         | 20.529.706.655         |
| - Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang    | 10.540.177.900         | 7.662.401.836          |
| - Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh | 5.137.643.440          | 11.793.022.078         |
| - Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận    | 6.327.067.522          | 2.342.888.987          |
| - Tại Công ty Cổ phần VW Tân Thuận      | 5.862.476.227          | -                      |
| <b>Cộng</b>                             | <b>608.999.370.268</b> | <b>608.565.145.197</b> |

**7. Chi phí trả trước**

**a) Ngắn hạn**

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ          | 1.369.599.442         | 2.355.613.090         |
| - Chi phí thuê mặt bằng chờ kết chuyển  | 3.542.638.807         | 10.497.700.000        |
| - Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển | 6.852.255.816         | 4.612.186.160         |
| <b>Cộng</b>                             | <b>11.764.494.065</b> | <b>17.465.499.250</b> |

**b) Dài hạn**

|   |                       |                       |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ          | 11.795.289.941        | 6.825.982.570         |
| - Chi phí thuê mặt bằng chờ kết chuyển  | 7.000.000             | -                     |
| - Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển | 11.922.634.313        | 10.464.703.249        |
| <b>Cộng</b>                             | <b>23.724.924.254</b> | <b>17.290.685.819</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

| 8. Lợi thế thương mại                     | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất | 141.527.923.950       | 141.527.923.950       |
| Lợi thế thương mại đã phân bổ             | (64.321.156.159)      | (50.168.363.755)      |
| <b>Cộng</b>                               | <b>77.206.767.791</b> | <b>91.359.560.195</b> |

| 9. Tài sản cố định hữu hình | Số đầu năm             | Tăng                  | Giảm                  | Số cuối năm            |
|-----------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>           |                        |                       |                       |                        |
| Nhà cửa, vật kiến trúc      | 75.009.790.724         | 8.917.420.611         | 240.000.000           | 83.687.211.335         |
| Máy móc, thiết bị           | 44.600.183.674         | 8.220.360.124         | 2.397.760.296         | 50.422.783.502         |
| Phương tiện vận tải         | 50.459.643.579         | 36.202.299.337        | 16.429.740.262        | 70.232.202.654         |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý   | 2.497.309.629          | 1.824.846.705         | 18.636.364            | 4.303.519.970          |
| <b>Cộng</b>                 | <b>172.566.927.606</b> | <b>55.164.926.777</b> | <b>19.086.136.922</b> | <b>208.645.717.461</b> |

**Khấu hao lũy kế**

|                           |                       |                       |                      |                       |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc    | 25.472.563.106        | 6.436.320.226         | 43.333.329           | 31.865.550.003        |
| Máy móc, thiết bị         | 30.538.129.956        | 5.014.967.804         | 503.212.358          | 35.049.885.402        |
| Phương tiện vận tải       | 14.984.402.043        | 10.048.277.332        | 7.531.742.533        | 17.500.936.842        |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 1.534.619.187         | 304.364.257           | 18.636.364           | 1.820.347.080         |
| <b>Cộng</b>               | <b>72.529.714.292</b> | <b>21.803.929.619</b> | <b>8.096.924.584</b> | <b>86.236.719.327</b> |

**Giá trị còn lại**

|                           |                        |  |  |                        |
|---------------------------|------------------------|--|--|------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc    | 49.537.227.618         |  |  | 51.821.661.332         |
| Máy móc, thiết bị         | 14.062.053.718         |  |  | 15.372.898.100         |
| Phương tiện vận tải       | 35.475.241.536         |  |  | 52.731.265.812         |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 962.690.442            |  |  | 2.483.172.890          |
| <b>Cộng</b>               | <b>100.037.213.314</b> |  |  | <b>122.408.998.134</b> |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 36.406.731.073 đồng.

| 10. Tài sản cố định thuê tài chính | Số đầu năm           | Tăng                 | Giảm     | Số cuối năm          |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|----------|----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                  |                      |                      |          |                      |
| Máy móc, thiết bị                  | 2.970.523.380        | 3.166.921.620        | -        | 6.137.445.000        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>2.970.523.380</b> | <b>3.166.921.620</b> | <b>-</b> | <b>6.137.445.000</b> |

**Khấu hao lũy kế**

|                   |                    |                    |          |                    |
|-------------------|--------------------|--------------------|----------|--------------------|
| Máy móc, thiết bị | 132.023.261        | 466.979.516        | -        | 599.002.777        |
| <b>Cộng</b>       | <b>132.023.261</b> | <b>466.979.516</b> | <b>-</b> | <b>599.002.777</b> |

**Giá trị còn lại**

|                   |                      |  |  |                      |
|-------------------|----------------------|--|--|----------------------|
| Máy móc, thiết bị | 2.838.500.119        |  |  | 5.538.442.223        |
| <b>Cộng</b>       | <b>2.838.500.119</b> |  |  | <b>5.538.442.223</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**11. Tài sản cố định vô hình**

|                        | Số đầu năm            | Tăng               | Giảm | Số cuối năm           |
|------------------------|-----------------------|--------------------|------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                       |                    |      |                       |
| Quyền sử dụng đất      | 84.022.474.623        | -                  | -    | 84.022.474.623        |
| Phần mềm               | 5.300.661.818         | 706.000.004        | -    | 6.006.661.822         |
| <b>Cộng</b>            | <b>89.323.136.441</b> | <b>706.000.004</b> | -    | <b>90.029.136.445</b> |
| <b>Khấu hao lũy kế</b> |                       |                    |      |                       |
| Quyền sử dụng đất      | -                     | -                  | -    | -                     |
| Phần mềm               | 2.365.865.986         | 962.378.083        | -    | 3.328.244.069         |
| <b>Cộng</b>            | <b>2.365.865.986</b>  | <b>962.378.083</b> | -    | <b>3.328.244.069</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                       |                    |      |                       |
| Quyền sử dụng đất      | 84.022.474.623        |                    |      | 84.022.474.623        |
| Phần mềm               | 2.934.795.832         |                    |      | 2.678.417.753         |
| <b>Cộng</b>            | <b>86.957.270.455</b> |                    |      | <b>86.700.892.376</b> |

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết, vẫn còn sử dụng là 904.730.000 đồng.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Mua sắm tài sản cố định   | 1.391.646.115         | 3.306.735.000         |
| - Quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng showroom tại Công ty CP Ô tô Phú Mỹ | 35.648.262.289        | 33.899.501.713        |
| - Chi phí xây dựng showroom - Công ty CP City Auto                        | -                     | 154.545.455           |
| - Chi phí xây dựng showroom - Công ty CP Auto Trường Chinh                | 30.000.000            | 4.059.926.886         |
| - Chi phí xây dựng showroom - Công ty CP Auto Bình Phước                  | -                     | 500.000.000           |
| - Chi phí sửa chữa showroom - Cổ phần VW Tân Thuận                        | 637.647.402           | -                     |
| <b>Cộng</b>   | <b>37.707.555.806</b> | <b>41.920.709.054</b> |

**13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

|                                    | Số cuối năm        |                |           | Số đầu năm         |                |           |
|------------------------------------|--------------------|----------------|-----------|--------------------|----------------|-----------|
|                                    | Giá gốc            | Giá trị hợp lý | Dự phòng  | Giá gốc            | Giá trị hợp lý | Dự phòng  |
|                                    | ngàn đồng          | ngàn đồng      | ngàn đồng | ngàn đồng          | ngàn đồng      | ngàn đồng |
| a) Công ty liên kết, liên doanh    | 26.000.000         | (*)            | -         | 26.000.000         | (*)            | -         |
| b) Công ty khác                    | 140.950.000        | (*)            | -         | 205.000.000        | (*)            | -         |
| c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 247.890.000        | (*)            | -         | 177.437.924        | (*)            | -         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>414.840.000</b> |                | -         | <b>408.437.924</b> |                | -         |

(\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bởi chưa niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

| Tên công ty                              | Tỷ lệ vốn góp theo GCN ĐKKD | Giá trị vốn góp theo đăng ký | Giá trị vốn góp ngày 31/12/2024 |
|--|-----------------------------|------------------------------|---------------------------------|
| a) <b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>    |                             |                              |                                 |
| Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương  | (13.1) 20%                  | 26.000.000.000               | 26.000.000.000                  |
| <b>Cộng</b>                              |                             |                              | <b>26.000.000.000</b>           |
| b) <b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b> |                             |                              |                                 |
| Công ty CP New City Rent A Car           | (13.2) 11,50%               | 28.750.000.000               | 28.750.000.000                  |
| Công Ty Cổ phần Dasonmotors              | (13.3) 11,00%               | 112.200.000.000              | 112.200.000.000                 |
| <b>Cộng</b>                              |                             |                              | <b>140.950.000.000</b>          |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

### 13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(13.1) Đầu tư thành lập Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3703115592 ngày 21/3/2023 với vốn điều lệ 130 tỷ đồng. Công ty CP City Auto đăng ký góp 26 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương mới bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh nên khoản đầu tư này được hợp nhất theo phương pháp giá gốc.

(13.2) Khoản đầu tư 1.150.000 cổ phần chiếm 11,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần New City Rent A Car với giá trị là 28.750.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315125524 ngày 10/11/2020 với vốn điều lệ 100 tỷ đồng.

(13.3) Khoản đầu tư 11.220.000 cổ phần chiếm 11% vốn điều lệ của Công Ty Cổ phần Dasonmotors với giá trị là 112.200.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0317908538 ngày 29/06/2023.

| c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn |        | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|------------------------------------|--------|------------------------|------------------------|
| Ông Lê Đức Hòa                     |        | -                      | 30.437.923.639         |
| Công ty Cổ phần Daf Group          | (13.4) | 147.000.000.000        | 147.000.000.000        |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Dason     | (13.5) | 41.000.000.000         | -                      |
| Công ty Cổ phần BDS Bảo Long       | (13.6) | 59.890.000.000         | -                      |
| <b>Cộng</b>                        |        | <b>247.890.000.000</b> | <b>177.437.923.639</b> |

(13.4) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 2007/2023-HĐUTĐT/CTF-DAF ngày 20/7/2023 giữa Công ty Cổ phần City Auto và Công ty Cổ phần Daf Group. Số tiền mà bên Công ty Cổ phần City Auto ủy thác đầu tư là 147.000.000.000 đồng, thời hạn ủy thác: 84 tháng kể từ ngày chuyển tiền ủy thác đầu tư; tỷ lệ lợi nhuận sẽ được xác định hàng năm; Vốn ủy thác sẽ được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng.

(13.5) Khoản đầu tư theo hợp đồng Ủy thác đầu tư số 0212/2024-HĐUTĐT/HTC-DASON ngày 02/12/2024 giữa Công ty CP Auto Trường Chinh với Công ty CP Tập đoàn Dason, Số tiền ủy thác: 41.000.000.000 VNĐ; thời hạn ủy thác: 84 tháng kể từ ngày chuyển tiền ủy thác đầu tư; tỷ lệ lợi nhuận sẽ được xác định hàng năm; Vốn ủy thác sẽ được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng.

(13.6) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 1012/2024-HĐUTĐT/VTT-BLC ngày 10/12/2024 giữa Công ty Cổ phần VW Tân Thuận và Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long. Số tiền mà bên Công ty Cổ phần City Auto ủy thác đầu tư là 59.890.000.000 đồng, thời hạn ủy thác: 84 tháng kể từ ngày chuyển tiền ủy thác đầu tư; tỷ lệ lợi nhuận sẽ được xác định hàng năm; Vốn ủy thác sẽ được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng.

### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

|   | Số cuối năm            |                        | Số đầu năm             |                        |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|   | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  |
| - Công ty TNHH Ford Việt Nam                              | 13.816.867.696         | 13.816.867.696         | 12.465.509.000         | 12.465.509.000         |
| - Cty TNHH Ô Tô VW Nha Trang                              | 5.100.306.448          | 5.100.306.448          | 18.501.907.840         | 18.501.907.840         |
| - Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương (bên liên quan) | 5.991.210              | 5.991.210              | -                      | -                      |
| - Công ty TNHH Minh Long                                  | 16.234.581.031         | 16.234.581.031         | 16.199.004.769         | 16.199.004.769         |
| - Công ty CP TĐ Tân Thành Đô (Bên liên quan)              | 13.028.364.228         | 13.028.364.228         | 389.150.556            | 389.150.556            |
| - Công ty TNHH Trend Motor VN                             | 32.013.624.144         | 32.013.624.144         | 8.864.859.912          | 8.864.859.912          |
| - Công ty Truck&Bus Trường Chinh                          | 31.202.483.076         | 31.202.483.076         | 60.897.674.659         | 60.897.674.659         |
| - Công ty CP Liên doanh Ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam  | 25.674.337.121         | 25.674.337.121         | 31.361.413.466         | 31.361.413.466         |
| - Các đối tượng khác                                      | 79.980.182.470         | 79.980.182.470         | 71.858.061.002         | 71.858.061.002         |
| <b>Cộng</b>   | <b>217.056.737.424</b> | <b>217.056.737.424</b> | <b>220.537.581.204</b> | <b>220.537.581.204</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

| 15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                           | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Công ty CP TD Tân Thành Đô (Bên liên quan)                    | 716.150.000           | 14.728.645.394        |
| - Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng) | 61.976.828.996        | 37.563.434.283        |
| <b>Cộng</b>   | <b>62.692.978.996</b> | <b>52.292.079.677</b> |

**16. Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước**

| a) Phải nộp                      | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Thuế giá trị gia tăng phải nộp | 5.744.928.771         | 1.316.122.255         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp     | 8.674.686.238         | 8.711.884.798         |
| - Thuế thu nhập cá nhân          | 1.262.681.471         | 995.517.414           |
| <b>Cộng</b>                      | <b>15.682.296.480</b> | <b>11.023.524.467</b> |

| b) Phải thu                               | Số cuối năm          | Số đầu năm            |
|---|----------------------|-----------------------|
| - Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ | 8.642.482.214        | 22.540.158.256        |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp (nộp dư)     | 441.324.563          | -                     |
| - Thuế thu nhập cá nhân (nộp dư)          | 395.690              | 6.552.917             |
| <b>Cộng</b>                               | <b>9.084.202.467</b> | <b>22.546.711.173</b> |

| 17. Chi phí phải trả ngắn hạn                               | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
|---|-----------------------|----------------------|
| - Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam | 1.678.359.143         | 1.236.129.763        |
| - Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu               | 2.452.281             | 873.972.475          |
| - Trích trước chi phí môi giới                              | 537.400.000           | -                    |
| - Chi phí phải trả khác                                     | 14.700.311.847        | 6.689.845.156        |
| <b>Cộng</b>   | <b>16.918.523.271</b> | <b>8.799.947.394</b> |

| 18. Các khoản phải trả khác ngắn hạn                  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| a) Ngắn hạn   |                       |                       |
| - Kinh phí công đoàn, bảo hiểm bắt buộc               | 3.834.640.405         | 3.148.543.222         |
| - Tài sản thừa chờ xử lý ở Công ty CP City Auto       | 620.439.676           | 606.145.005           |
| - Chi hộ Công ty Ford Việt Nam cho nhân viên bán hàng | 400.020.425           | 3.367.210.470         |
| - Phải trả bà Trần Thị Tâm tiền chuyển nhượng cổ phần | -                     | 160.000.000           |
| - Phải trả cổ tức cho cổ đông                         | 2.672.001.484         | 1.698.664.484         |
| - Các khoản phải trả khác                             | 39.321.329.909        | 46.234.802.735        |
| <b>Cộng</b>   | <b>46.848.431.899</b> | <b>55.215.365.916</b> |

|  |                       |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|
| b) Dài hạn                                       |                       |                       |
| - Phải trả Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long | -                     | 33.000.000.000        |
| - Các khoản phải trả khác                        | 15.570.000.000        | -                     |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>15.570.000.000</b> | <b>33.000.000.000</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

| 19. Vay và nợ thuê tài chính  |  | Số đầu năm               | Tăng                     | Giảm                     | Số cuối năm              |
|---|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>a. Vay ngắn hạn</b>  |  | 1.858.337.969.859        | 7.626.838.471.279        | 7.471.763.218.694        | 2.041.682.704.872        |
| - NH Ngoại thương (19.1)  |  | 425.849.632.011          | 1.292.345.835.260        | 1.397.239.609.874        | 320.955.857.397          |
| - NH Bảo Việt (19.2)  |  | 190.428.356.000          | 1.042.222.660.850        | 1.079.186.949.349        | 153.464.067.501          |
| - NH Đầu tư và Phát triển (19.3)  |  | 354.152.384.464          | 1.047.602.781.515        | 1.044.006.574.692        | 357.748.591.287          |
| - NH Indovina (19.4)  |  | 215.791.647.956          | 474.849.439.203          | 460.742.605.325          | 229.898.481.834          |
| - NH Quốc tế  |  | 81.947.633.500           | 99.969.247.500           | 181.916.881.000          | -                        |
| - NH VN Thịnh Vượng (19.5)  |  | 114.138.807.742          | 792.167.814.535          | 696.065.643.953          | 210.240.978.324          |
| - NH Eximbank   |  | 128.700.000              | 2.165.900.000            | 2.294.600.000            | -                        |
| - NH Công thương (19.6)   |  | 7.310.596.950            | 79.021.892.375           | 68.402.024.660           | 17.930.464.665           |
| - NH Quân đội (19.7)  |  | 5.178.921.169            | 279.767.939.599          | 211.701.431.765          | 73.245.429.003           |
| - NH Phương Đông (19.8)   |  | 17.439.404.624           | 63.540.004.560           | 63.584.812.204           | 17.394.596.980           |
| - NH HD Bank (19.9)   |  | 77.989.110.400           | 173.399.848.039          | 244.806.617.600          | 6.582.340.839            |
| - NH HSBC   |  | 100.130.900.230          | 22.491.484.449           | 122.622.384.679          | -                        |
| - NH Bangkok (19.10)  |  | 130.000.000.000          | 520.000.000.000          | 520.000.000.000          | 130.000.000.000          |
| - NH Tiên Phong (19.11)   |  | 7.645.331.000            | 185.073.433.750          | 176.818.825.750          | 15.899.939.000           |
| - NH PG Bank (19.12)  |  | 23.719.646.945           | 624.805.109.644          | 543.192.729.898          | 105.332.026.691          |
| - NH TM CP Đông Nam Á (19.13)   |  | 34.681.080.000           | 102.034.600.000          | 123.100.320.000          | 13.615.360.000           |
| - NH First Bank (19.14)   |  | -                        | 345.000.000.000          | 230.000.000.000          | 115.000.000.000          |
| - NH Á Châu (19.15)   |  | -                        | 480.380.480.000          | 306.081.207.945          | 174.299.272.055          |
| - Nợ dài hạn đến hạn trả  |  | 71.805.816.868           |                          |                          | 100.075.299.296          |
| <b>b. Vay dài hạn</b>   |  | 329.495.133.189          | 207.280.976.088          | 146.916.537.764          | 361.590.089.085          |
| - NH Ngoại thương (19.1)  |  | 59.875.154.435           | 42.062.745.565           | 17.749.760.000           | 84.188.140.000           |
| - NH HD Bank (19.9)   |  | 23.131.300.000           | 5.220.674.000            | 23.696.380.000           | 4.655.594.000            |
| - NH Tiên phong (19.11)   |  | 250.319.245.904          | 154.137.592.853          | 50.073.672.128           | 354.383.166.629          |
| - NH Bảo Việt (19.2)  |  | 13.920.500.000           | -                        | 1.560.056.000            | 12.360.444.000           |
| - NH VN Thịnh Vượng (19.5)  |  | 1.207.998.146            | 1.418.795.000            | 764.850.608              | 1.861.942.538            |
| - Công ty cho thuê tài chính BIDV – SuMi TRUST Chi nhánh TP HCM (19.16) |  | 2.846.751.572            | 3.681.168.670            | 2.786.819.028            | 3.741.101.214            |
| - NH PG Bank (19.12)  |  | -                        | 760.000.000              | 285.000.000              | 475.000.000              |
| - Trái phiếu phát hành  |  | 50.000.000.000           | -                        | 50.000.000.000           | -                        |
| - Nợ dài hạn đến hạn trả  |  | (71.805.816.868)         |                          |                          | (100.075.299.296)        |
| <b>Cộng</b>   |  | <b>2.187.833.103.048</b> | <b>7.834.119.447.367</b> | <b>7.618.679.756.458</b> | <b>2.403.272.793.957</b> |

Cho đến ngày 31/12/2024, Công ty không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

(19.1) Vay ngắn và dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng như sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0328/KHDN/24/HMCV ngày 02/07/2024 với hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 042A24 ngày 16/07/2024. Hạn mức cho vay là 150.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn vay tối đa 04 tháng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa xe ô tô thương hiệu Hyundai mới 100% phát sinh theo hợp đồng mua bán xe với Công ty CP Hyundai Thành Công Việt Nam. Thế chấp/ cầm cố tài sản là cổ phiếu bao gồm:

- 500.000 Cổ phiếu đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của Công ty CP City Auto; Bên bảo đảm là Ông Trần Ngọc Dân; theo hợp đồng cầm cố số 279CC20 ngày 17/02/2021.
- 1.050.000 Cổ phiếu đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của Công ty CP City Auto; Bên bảo đảm là Ông Trần Lâm; theo hợp đồng cầm cố số 025CC21/KHBB ngày 20/05/2021.
- Quyền đòi nợ đối với CTCP Tập đoàn Tân Thành Đô.

Khoản vay dài hạn Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0269/KHDN/20 ngày 03/11/2020 cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo và Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0270/KHDN/20/TLDH ngày 03/11/2020, số tiền vay là 50 tỷ đồng, thời hạn vay: 84 tháng. Mục đích vay: để thanh toán chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê mặt bằng kinh doanh (showroom). Lãi suất vay theo thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho hợp đồng này bao gồm:

- Hàng hóa xe ô tô thương hiệu Hyundai mới 100%, tài sản là hàng hóa tồn kho, hàng hóa luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty CP Auto Trường Chinh.
- 2.756.911 cổ phiếu Công ty CP City Auto (CTF) thuộc sở hữu của ông Ngô Công Minh và bà Phạm Thị Ái Hạnh.
- 290.650 cổ phiếu Công ty CP City Auto (CTF) thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đăng Hoàng và bà Nguyễn Thị Tố Trinh.
- Tiền gửi tại Ngân hàng trị giá 50.000.000 VNĐ.

Khoản vay của Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 0249/KHDN/23 ngày 14/06/2023, hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0250/KHDN/23/HMCV ngày 22/06/2023, hợp đồng cho vay từng lần trung và dài hạn số 0351/KHDN/23/CVTDH ngày 21/07/2023, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0249/KHDN/23/SĐ1 ngày 08/08/2023, 0249/KHDN/23-SĐ4 ngày 15/11/2024, hợp đồng thế chấp hàng hóa số 0276/KHDN/23/HĐBĐ ngày 19/06/2023 và thỏa thuận bảo lãnh số 0251/KHDN/23/HMBL ngày 22/06/2023 cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 213.646.720.000 đồng.
- Mục đích cấp tín dụng: Lắp đặt máy móc thiết bị cho xưởng tại công trình "Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận" địa điểm: Lô DVTM-08 và Lô DVTM -11, Đường số 7, KCX Tân Thuận, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, TPHCM và Bổ sung vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn cấp tín dụng: 60 tháng
- Thời hạn vay: tối đa 04 tháng, được ghi trên từng khế ước nhận nợ.
- Lãi suất: quy định tại từng khế ước nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo:

1. Tài sản thuộc sở hữu của ông Trần Quang Trí và bà Đinh Đào Giao Thoại Khanh:

- a. Quyền sở hữu căn hộ chung cư số LP-34.16 thuộc tòa nhà Landmark Plus, số 702A Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh.
- b. Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ 429/19 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh.
- c. Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ 378/26 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh.
- d. Quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Một phần nhà 2A đường số 5, khu phố 5, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức).

2. Lô xe ô tô Ford mới 100%

3. Toàn bộ xe ô tô mới 100% đã hình thành hoặc hình thành trong tương lai từ nguồn vốn Ngân hàng cấp tín dụng và/ hoặc sẽ được để tại Showroom Lô DVTM-08 và Lô DVTM-11, Đường số 7, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TPHCM.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng số 2023/HDTD-NTF ngày 01/11/2023 kèm theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2023/HMCV-NTF và thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức số 2023/HMBL-NTF ngày 01/11/2023, với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng.

Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định.

Thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng đến hết ngày 24/8/2022.

Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ.

Tài sản đảm bảo:

- + Hàng hóa xe ô tô Ford mới 100% theo hợp đồng bảo đảm số 2022/LX-NTF ngày 07/10/2022 và các phụ lục đính kèm.
- + Văn bản bảo lãnh vay vốn do Công ty Cổ phần City Auto phát hành.

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 2019/CVTL-ONT/03 ngày 23/9/2019 với số tiền vay là 1.370.000.000 đồng. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2020: 8,3%/năm; Thời hạn vay: 36 tháng. Mục đích vay: thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà khách hàng đã thanh toán (xe Ford Explorer BKS 79A-260.49). Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay, hợp đồng thế chấp số 2019/TC-ONT/03.

- Hợp đồng tín dụng số 2019/CVTL-ONT/04 ngày 19/12/2019 và phụ lục số 01/2019/CVTL-ONT/04 ngày 19/12/2019 với số tiền vay là 630.000.000 đồng; Lãi suất: 8,3%/năm; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà khách hàng đã thanh toán (xe Ford Tourneo BKS 79A-277.01); Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 2019/PTVT-OTONT ngày 19/12/2019.

- Hợp đồng tín dụng số 2020/ONT/CVTL/02 ngày 07/10/2020 với số tiền vay: 2.450.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất: 8,3-8,5%/năm; Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư hệ thống điện năng lượng Mặt trời 250kWp theo hợp đồng kinh tế số 02/2020/HĐ/SOLAR ngày 31/8/2020. Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 2021/ONT/CVTL/01 ngày 26/01/2021 với số tiền vay: 1.220.000.000 đồng; Lãi suất: 8,5%/năm; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà khách hàng đã thanh toán (xe Ford Ecosport BKA 79A-318.90 và Ford Everest BKS 79A-328.38); Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 2022/CVTL/NTFT/01 ngày 28/01/2022 với số tiền vay: 550.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng. Lãi suất tại ngày 31/03/2022: 8,5%/năm; Mục đích vay: thanh toán bù đắp chi phí đầu tư 01 xe Ô tô nhãn hiệu Ford Ranger BKS 79C-187.61. Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 2022/CVTL/NTFT/02 ngày 30/03/2022 với số tiền vay: 1.420.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng. Lãi suất 31/03/2022: 8,5%/năm; Mục đích vay: thanh toán bù đắp chi phí đầu tư 01 xe Ô tô nhãn hiệu Ford Explorer BKS 79A-380.07. Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0065/KHDN/24/HMCV ngày 28/02/2024, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0336/KHDN/20 ngày 28/02/2024, với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 55.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng;
- Thời hạn cho vay: tối đa không quá 03 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0336/KHDN/20/CVTL ngày 10/12/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0336/KHDN/20-SD4 ngày 18/8/2023 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: thanh toán chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê mặt bằng kinh doanh (showroom);
- Thời hạn cho vay: 96 tháng;
- Lãi suất vay: theo thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo:
  - 1.586.940 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của ông Nguyễn Quang Khải;
  - 1.147.000 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của ông Trần Quang Trí và bà Đinh Đào Giao Thoại Khanh;
  - 1.172.275 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của bà Trần Thị Tâm và ông Nguyễn Quang Vân;
  - 1.113.225 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của ông Phạm Anh Hưng và bà Trần Bích Liên;
  - 898.000 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của ông Nguyễn Văn Thành và bà Trần Thị Bình;
  - Xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0115/KHDN/24/HMCV ngày 17/5/2024 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 04 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 094/KHDN/20/HĐBĐ ngày 07/8/2020.

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Định theo Hợp đồng cấp Tín dụng số 0204/KHDN/24 ngày 28/05/2024 với các điều khoản sau: Hạn mức cho vay là 35.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 60 tháng. Thời hạn vay, lãi suất, mục đích vay theo từng Hợp đồng vay được lập kèm theo. Tài sản đảm bảo:

- Cổ phiếu của công ty cổ phần City Auto (CTF) được niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE thuộc sở hữu của bên thứ 3;
- Hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay Ngân hàng Vietcombank theo Hợp đồng thế chấp số 0206/KHDN/24/HĐBĐ ký ngày 08/5/2024 giữa Ngân hàng và Khách hàng.
- Số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán theo Hợp đồng cầm cố số 0207/KHDN/24/HĐCC ký ngày 08/5/2024 giữa Ngân hàng và Ông Trần Quang Trí.
- Số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán theo Hợp đồng cầm cố số 0208/KHDN/24/HĐCC ký ngày 08/5/2024 giữa Ngân hàng và Ông Lê Nguyễn Hồ.

(19.2) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ với Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo Hợp đồng tín dụng số 0053-2024-HĐTD1-BVB003 ngày 28/3/2024 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford;
- Thời hạn duy trì hạn mức: từ 28/3/2024 đến 28/3/2025;
- Thời hạn cho vay: theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng từ ngày giải ngân;
- Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân;
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ với Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo các Hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số 0039-2022-HĐTD1-BVB003 ngày 19/4/2022 và phụ lục số 0039.01-2022-PL1-BV003 với các điều khoản sau:

- Hạn mức vay: 12.800.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: nhận chuyển nhượng 04 quyền sử dụng đất tại địa chỉ ấp 05, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
  - Thời hạn cho vay: 120 tháng;
  - Tài sản đảm bảo: các bất động sản hình thành từ vốn vay được quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp tài sản;
- Hợp đồng tín dụng số 0053-2023-HĐTD1-BVB003 ngày 21/4/2023 với các điều khoản sau::
- Hạn mức vay: 6.500.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: đầu tư xây dựng showroom Tiền Giang Ford;
  - Thời hạn cho vay: 120 tháng;
  - Tài sản đảm bảo: các bất động sản hình thành từ vốn vay được quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp tài sản.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận với Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo hợp đồng tín dụng số 0091-2024-HĐTD1-BVB003 ngày 23/5/2024 cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 100 tỷ
- Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xe Ford.
- Thời hạn cấp tín dụng: đến 23/5/2025
- Thời hạn vay: tối đa không quá 04 tháng theo kế ước nhận nợ.
- Lãi suất: quy định tại từng kế ước nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo:

1. Lô xe ô tô mới được hình thành trong tương lai nhãn hiệu Ford (mới 100%).
2. Xe ô tô mới tồn kho nhãn hiệu Ford (mới 100%), có thời hạn xe không quá 12 tháng.
3. Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành, bất động sản và phương tiện vận tải theo quy định của Ngân hàng.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - chi nhánh TP.HCM theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0152-2024-HĐTD1-BVB003 ngày 17/7/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm:

- Xe ô tô mới nhãn hiệu Ford hình thành trong tương lai do ngân hàng tài trợ được mua trực tiếp Công ty TNHH Ford Việt Nam.
- Hàng hóa xe ô tô mới tồn kho có thời hạn không quá 12 tháng, chi tiết về việc đảm bảo tiền vay được thực hiện theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 0091-2024-HĐTC1-BVB003 ngày 17/7/2024.
- Tiền ký quỹ và tiền gửi tại Ngân hàng, bất động sản và phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng khách hàng và/hoặc bên thứ 3 có liên quan theo quy định của Ngân hàng.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận với Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh TP.HCM theo Hợp đồng Tín dụng số 0199-2023-HĐTD1-BVB003 ngày 29/11/2023 với các điều khoản sau: Hạn mức cho vay là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 29/11/2024. Thời hạn vay theo từng lần nhận nợ và không quá 04 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu Volkswagen. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

- Lô xe ô tô mới hình thành trong tương lai nhãn hiệu Volkswagen (mới 100%) được mua trực tiếp từ Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam;
- Xe ô tô mới tồn kho nhãn hiệu Volkswagen (mới 100%), có Thời hạn xe không quá 12 tháng;
- Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành, bất động sản và phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Khách hàng và/hoặc Bên thứ 3 có liên quan theo quy định của Ngân hàng.

**(19.3) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng sau:**

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/8943817/HĐTD ngày 08/10/2022 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/8943817/HĐTD ngày 01/11/2023. Hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng, trong đó dư nợ vay tối đa là 120 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng nhưng không quá ngày 31/10/2024, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/4528578/HĐTD ngày 19/01/2024 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 180.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn duy trì hạn mức: đến 15/01/2025;
- Thời hạn cho vay: tối đa không quá 06 tháng được thỏa thuận tại Kế ước nhận nợ;
- Lãi suất vay: theo từng Kế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Chánh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 90/2024/11402179/HĐTD ngày 23/9/2024 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 91/2024/11402179/HĐTD ngày 15/11/2024 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%, bất động sản hoặc tiền gửi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 01/2023/21239804/HĐTD ngày 29/9/2023 với các điều khoản sau: Hạn mức cấp tín dụng là 25.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Thời hạn vay và lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh.

(19.4) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Indovina theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng hạn mức số 17/0622/CL/6370659 ngày 15/06/2022, sửa đổi bổ sung số 17/0622/CL/PL03-0623 ngày 15/06/2023, số 17/0622/CL/PL04-1023 ngày 16/11/2023 và tu chỉnh thông báo tín dụng số 581/IVBBT/CAD/2023 ngày 08/12/2023. Hạn mức tín dụng tối đa 92 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Cổ phiếu theo các Hợp đồng thế chấp cổ phiếu bao gồm:
  - 1.927.400 cổ phiếu BSG thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
  - 4.500.000 cổ phiếu BSG thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Thành;
  - 837.400 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Thái Thị Xuân Quỳnh;
  - 943.400 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Tuấn;
  - 2.121.007 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Ái Hạnh;
  - 288.000 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
  - 154.044 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đăng Hoàng;
  - 120.600 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Trần Ngọc Dân;
  - 397.547 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Trần Lâm.
  - 113.247 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Tuấn.
  - 100.566 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Thái Thị Xuân Quỳnh.
  - 254.520 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Thái Hạnh.
- Hàng tồn kho là xe Hyundai mới 100% theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 20/0622/HĐTC-HTK-01.

Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 21/0622/CL/6370672 ngày 15/6/2022. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 20/11/2024. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là 9.000.000 cổ phiếu mã BSG thuộc sở hữu của bên thứ ba là Ông Phạm Anh Hưng và hàng tồn kho theo hợp đồng thế chấp số 21/0622/HĐTC-HTK.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TNHH Indovina theo Hợp đồng tín dụng số 20/0622/CL/6322018 ngày 27/6/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 20/0622/CL/PL02-0223 ngày 14/11/2023 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 65.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng;
- Thời hạn cho vay: tối đa không quá 06 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo:

Cổ phiếu theo các Hợp đồng thế chấp cổ phiếu bao gồm:

- + 12.500.000 cổ phiếu BSG (Công ty CP Xe khách SG) thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
- + 74.250 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
- + 53.880 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Thành;
- + 66.793 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Phạm Anh Hưng;
- + 32.994 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Lâm;
- + 120.960 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Long;
- + 68.820 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Quang Trí;
- + 70.336 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Bà Trần Thị Tâm.

Hàng tồn kho là xe Ford mới 100% theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 20/0622/HĐTC-HTK-01.

Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc về việc thuê và cho thuê đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô B1, đường C2, KCN Cát Lái II, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh và tại Lô F3, đường D1, KCN Cát Lái II, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê lại đất có cơ sở hạ tầng số 19/0622/HĐTC-QTS.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay Ngân hàng TNHH Indovina theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 65/1223/Clri/6370691 ngày 19/12/2023.

Số tiền vay: 40 tỷ đồng.

Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh Ngân hàng.

Thời hạn vay: 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức.

Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân.

Tài sản đảm bảo: Tín chấp và áp dụng thêm tài sản bảo đảm bổ sung như sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 531 tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại số 03 Tổng Hữu Định, phường Thảo Điền quận 2, TP. HCM.

+ Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, Volkswagen, Ford, Masterati (Maserati), Nissan và các nhãn hiệu khác gồm các xe ô tô hiện hữu đang tồn kho mới 100% có thời gian trên tờ khai hải quan nhập khẩu thông quan và/hoặc từ ngày xuất xưởng đến ngày thế chấp không vượt quá 1 năm thuộc sở hữu của bên vay.

+ Các tài sản khác được xác lập, thỏa thuận giữa ngân hàng với bên vay và/hoặc bên thứ ba (nếu có) theo các hợp đồng đảm bảo ký trước, trong và sau ngày phát hiệu lực của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các tài sản đảm bảo nêu trên.

**(19.5) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo các hợp đồng sau:**

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số BCLC-2505-01 ngày 20/04/2024. Hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để mua các loại xe mới 100% hiệu Hyundai; phát hành bảo lãnh thanh toán; phát hành upas L/C nội địa. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục kèm theo.

Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng 02122-5926837-01-SME ngày 27/11/2024. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày 11/12/2024. Thời hạn vay tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay: mua xe ô tô mới 100% do HTV phân phối. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Xe ô tô mới 100% hình thành từ nguồn vốn tín dụng do VPBank cấp, Bảo lãnh của Bà Nguyễn Lan Hương theo hợp đồng bảo lãnh số 021224-5926837-01-SME-HĐBL/VPBANK-01 ký ngày 11/12/2024 và các biện pháp, tài sản đảm bảo khác được thỏa thuận với VPBank.

Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số 130422-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 14/04/2022 và 090622-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 09/06/2022. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản phát sinh bằng vốn vay.

Khoản vay dài hạn Công ty CP Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số 011024-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 01/10/2024. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản phát sinh bằng vốn vay.

Khoản vay dài hạn Công ty CP Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số 231224-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 23/12/2024. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản phát sinh bằng vốn vay.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC-9181-01 ngày 08/12/2023.

Hạn mức tín dụng: 150 tỷ đồng.

Mục đích vay: Bổ sung/ hoàn vốn lưu động, phát hành/ thanh toán Upas L/C nội địa phục vụ hoạt động kinh doanh xe, phụ tùng xe ô tô các loại

Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức.

Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân.

Tài sản đảm bảo: Ký quỹ theo tỷ lệ quy định và áp dụng thêm tài sản bảo đảm bổ sung như sau:

+ Thế chấp bằng toàn bộ tài sản là Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 227, tờ bản đồ số 90 Bộ Địa chính, địa chỉ: 216, 216/1, 218 Quốc lộ 13 phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Toàn bộ hàng hóa là xe ô tô mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam

+ Thư bảo lãnh của Ông Lê Công Tâm và Ông Trần Long

+ Các biện pháp, tài sản đảm bảo khác theo thỏa thuận giữa Ngân hàng với Công ty và/ hoặc Bên thứ ba (nếu có).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số BCLC-3748-01 ngày 02/12/2024 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng;
- Thời hạn cho vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

\* Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng cho vay số CLC-20679-01 ngày 18/07/2024 cụ thể như sau:

- Hạn mức vay: 100 tỷ.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- Thời hạn vay: 12 tháng.
- Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ.
- Tài sản thế chấp: Hàng hóa là xe ô tô hình thành từ vốn vay VPBank có thời hạn xe tối đa 18 tháng mang nhãn hiệu Ford, bảo lãnh của ông Trần Long theo Hợp đồng bảo lãnh số CLC-20679- 01/SME/BLCN-01 ký ngày 18/07/2024.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-1928-01 ngày 29/01/2024 với tổng hạn mức vay là 170 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: hợp đồng tiền gửi, sổ dư tài khoản, sổ tiết kiệm gửi tại VPBank và xe ô tô thương hiệu Ford (CKD và CBU) các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

\* Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng cho vay số CLC-9029-01 ngày 06/12/2023 với các điều khoản sau: Hạn mức cho vay tối đa là 50.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức khả dụng là 30.000.000.000 đồng. Trong đó, dư nợ đảm bảo bằng xe ô tô hình thành từ vốn vay “đối với các xe đang thế chấp tại Ngân hàng khác” tối đa tại mọi thời điểm là 5.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay để chi lương payroll (hạn mức không có tài sản bảo đảm) tối đa mọi thời điểm là 1.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Thời hạn vay theo từng lần nhận nợ và không vượt quá 06 tháng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay:

- Bổ sung vốn lưu động kinh doanh các loại xe Ô tô con có nguồn gốc nhập khẩu mới 100% mua từ Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam.
- Bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua xe ô tô con thương hiệu Volkswagen mà Bên bán là Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam đang thế chấp chính các lô xe này tại các Ngân hàng khác.
- Thanh toán lương nhân viên

Tài sản đảm bảo:

- Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 227, tờ bản đồ số 90; địa chỉ 216, 216/1, 218 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức (nay là Tp Thủ Đức), TP. HCM;
- Bảo lãnh của ông TRẦN NGỌC DẪN, Giấy CMND/hộ chiếu/thẻ CCCD số: 022761994, Nơi cấp: Công an TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-16344/23/SME/BLCN-01 ký ngày 06/12/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Toàn bộ Hàng hóa là xe ô tô mua từ Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam theo Hợp đồng đại lý Volkswagen ký ngày 15/07/2023 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số CLC-9029- 12645433-HDTC-01 ký ngày 14/12/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Các biện pháp, tài sản bảo đảm khác được thỏa thuận giữa VPBank với Khách Hàng và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) theo các Hợp đồng bảo đảm ký trước, trong và sau ngày phát sinh hiệu lực của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Hợp đồng bảo đảm nêu trên (nếu có).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

(19.6) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước vay theo hạn mức số TRAM.NTB-002/2024-HĐCVHM/NHCT504-AUTOBP ngày 05/02/2024. Hạn mức 70 tỷ. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay hạn mức số DUYENTTP-001/2023-HĐCVHM/NHCT504-AUTOBP ngày 09/01/2023. Thời hạn duy trì hạn mức: đến hết ngày 15/01/2025. Thời hạn vay: không quá 4 tháng. Lãi suất vay: trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo được quy định tại các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số LINHND5-001/2021/PTGT/2020/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP ngày 11/01/2021.
- Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số TRAM.NTB-001/2024/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP ngày 05/01/2024.
- Hợp đồng hàng hóa thế chấp số DUYENTTP-H18/2022/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP NGÀY 18/11/2022.
- Hợp đồng hàng hóa thế chấp số TRAM.NTB-H04/2023/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP ngày 20/07/2023.
- Hợp đồng hàng hóa thế chấp số TRAM.NTB-H05/2023/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP ngày 15/08/2023.
- Hợp đồng hàng hóa thế chấp số TRAM.NTB-H06/2023/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP ngày 06/10/2023.

(19.7) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng tín dụng số 214765.24.102.2520244.TD ngày 29/5/2024 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford;
- Thời hạn duy trì hạn mức: từ 29/5/2024 đến 12/4/2025;
- Thời hạn cho vay: theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 05 tháng từ ngày giải ngân;
- Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân;
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 237999.24.800.3053748.TD ngày 14/08/2024.

Hạn mức tín dụng: 53 tỷ đồng

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: đến ngày 12/08/2025

Lãi suất vay: theo Khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo: Hàng hóa, quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số: 238022.24.800.3053748.BD ngày 24/09/2024.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng cấp tín dụng số 228839.24.103.2711499.TD ngày 19/7/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn duy trì hạn mức đến 10/7/2025; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh ô tô Ford mới 100%. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là: ký quỹ tại MB, tiền gửi theo hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá do MB phát hành, bất động sản, phương tiện vận tải, hàng hóa là lô xe hình thành từ phương án MB tài trợ và/hoặc hàng hóa là lô xe ô tô Ford hiện hữu thuộc sở hữu của công ty, quyền đòi nợ.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng tín dụng số 245306.24.160.31238658.TD ngày 19/09/2024 cụ thể như sau:

- Hạn mức vay: 50 tỷ.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- Thời hạn vay: 5 tháng.
- Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ.
- Tài sản bảo đảm: Hàng hóa là xe Ford mới 100%.

(19.8) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng số 0042/2024/HĐTD-OCB-DN ngày 24/05/2024, hạn mức vay: 25 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản gắn liền với đất tại phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Golf biển Cửa Lò.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**(19.9) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng sau:**

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng tín dụng số 41741/23MN/HĐTD ngày 04/01/2024. Hạn mức cho vay: 5.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Chi lương cho nhân viên Công ty. Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là bảo lãnh của Ông Trần Ngọc Dân cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM.

Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng tín dụng số 41742/23MN/HĐTD ngày 04/01/2024. Số tiền vay: 1.130.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Mua xe Ô tô Hyundai Palisade, BKS: 51K-918.10. Thời hạn cấp tín dụng: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là bảo lãnh của Ông Trần Ngọc Dân cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 34855/23MN/HĐTD ngày 24/11/2023 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 55.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford và chi lương;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 36 tháng;
- Thời hạn cho vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

\* Các khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận với Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM – Chi nhánh Gia Định theo:

a) Hợp đồng Tín dụng số 5941/24MN/HĐTD ngày 12/3/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 800.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Mục đích vay: cho vay/bù đắp vốn mua Volkswagen T-Cross phục vụ đi lại của công ty. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

- Xe ô tô, Nhãn hiệu VOLKSWAGEN, Biển kiểm soát 51L-481.42;
- Bảo lãnh cá nhân của ông Lê Đức Hòa và Ông Trần Ngọc Dân và Công ty CP DAF Group đối với toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Bên được cấp tín dụng tại HDBank và;
- Các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Bên vay/Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên thứ ba.

b) Hợp đồng Tín dụng số 2126/24MN/HĐTD ngày 22/01/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 4.280.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Mục đích vay: Cho vay/bù đắp vốn mua 01 xe ô tô Volkswagen Teramont và 01 xe ô tô Volkswagen Touareg phục vụ đi lại của Công ty. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

- Xe ô tô, Nhãn hiệu VOLKSWAGEN, Biển kiểm soát 51L-481.31;
- Xe ô tô, Nhãn hiệu VOLKSWAGEN, Biển kiểm soát 51L-481.46;
- Bảo lãnh cá nhân của ông Lê Đức Hòa và Ông Trần Ngọc Dân và Công ty CP DAF Group đối với toàn bộ nghĩa vụ tài chính của của Bên được cấp tín dụng tại HDBank và;
- Các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Bên vay/Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên thứ ba.

**(19.10) Khoản vay từ Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH theo các hợp đồng sau:**

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH theo hợp đồng tín dụng hạn mức số CP/HCM/007-23 ngày 19/5/2023 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: cầm cố sổ dư ngân hàng bằng 20% hạn mức của hạn mức tín dụng tổng hợp, thư bảo lãnh cá nhân do ông Trần Ngọc Dân với số tiền là 104 tỷ đồng.

**(19.11) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo các hợp đồng sau:**

Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 24/2023/HĐTD/GVP ngày 29/03/2023. Số tiền vay: 374.500.000 VNĐ. Mục đích vay: Mua xe ô tô sử dụng cho Công ty. Thời hạn cho vay: 60 tháng. Lãi suất vay trong 06 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 9,5%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở cho vay ô tô của KHDN của TPBank cộng biên độ 4,5%/năm. Tài sản đảm bảo: Xe ô tô hình thành từ vốn vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 240/2023/HDTD/PDL ngày 17/5/2024 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng;
- Thời hạn cho vay: đa không quá 04 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo Hợp đồng cho vay số 03/2024/HDTD/TTKHDNL MN2 ngày 17/7/2024 với các điều khoản sau:

- Hạn mức vay: 100.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: thanh toán tiền thuê showroom, văn phòng và xưởng dịch vụ;
- Thời hạn cho vay: 19/7/2029;
- Lãi suất vay: 10,5%/năm;
- Tài sản đảm bảo: quyền khai thác thửa đất (lợi thế quyền thuê đất hàng năm) và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 38, Phường Nghi Hưng, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng tín dụng số 06/2024/HDTD/PDL ngày 06/03/2024 cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 50 tỷ.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- Thời hạn vay: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ nhưng không vượt quá 4 tháng.
- Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ.

Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cho vay số 18/2023/HDTD/TTKHDNL MN2 ngày 23/10/2023 với số tiền vay là 250 tỷ đồng; thời gian vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên và không vượt quá thời gian vay còn lại theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/7/2023, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: thanh toán khoản nợ đã vay từ Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/7/2023 và các phụ lục hợp đồng (nếu có). Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể trong hợp đồng thế chấp số 90/2023/HĐBD/TTKHDNL MN2 ngày 15/11/2023.

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận với Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo:

a) Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 172/2024/HDTD/CP ngày 27/09/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 1.581.000.000 đồng, thời hạn vay: 84 tháng, mục đích vay: Mua xe ô tô; lãi suất linh hoạt theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Xe ô tô Volkswagen Viloran Luxury số khung LSVSH7C69RN015877 biển kiểm soát 51L-279.16
- Chứng nhận đăng ký xe ô tô số : 50 108929 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/09/2024 cho Công ty CP VW Tân Thuận.
- Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu khác (nếu có).

b) Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 138/2024/HDTD/CP ngày 23/07/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 1.266.000.000 đồng, thời hạn vay: 84 tháng, mục đích vay: Mua xe ô tô; lãi suất linh hoạt theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Xe ô tô Volkswagen số khung WVGZZ5N5PM020815 biển kiểm soát 51L-265.42
- Hợp đồng bán hàng số: 692\_2024/HĐMB\_VTT01 ngày 17/06/2024 giữa Công ty CP VW Tân Thuận với Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam
- Hóa đơn GTGT số 2518 ngày 28/06/2024
- Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu khác (nếu có).

c) Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 107/2024/HDTD/CP ngày 20/05/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 1.551.000.000 đồng, thời hạn vay: 84 tháng, mục đích vay: Mua xe ô tô; lãi suất linh hoạt theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Xe ô tô Volkswagen Teramont X Platinum số khung LSVUW7CA4PN052206 biển kiểm soát 51L-147.36
- Giấy hẹn lấy Đăng ký xe ô tô biển kiểm soát: 51L-147.36 do Đội Đăng ký quản lý PTGTCTGB - Phòng Cảnh sát giao thông ĐB-ĐS Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/05/2024 cho Công ty CP VW Tân Thuận - Hợp đồng bán hàng số : 513\_2024/HĐMB\_VTT01 ký ngày 03/05/2024 giữa Công ty CP VW Tân Thuận với Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam
- Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu khác (nếu có).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 325/2024/HĐTD/NTG với các điều khoản sau:

Hạn mức cho vay: 50 tỷ đồng

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho vay bù đắp, thanh toán tiền kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% do Công ty Ford Việt Nam phân phối và các đại lý Ford đạt tiêu chuẩn 3S trong cùng hệ thống

Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng.

Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân.

Tài sản đảm bảo: ký quỹ theo quy định về ký quỹ tại hợp đồng này hoặc các thỏa thuận khác giữa Ngân hàng và Khách hàng

**(19.12)** Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển theo hợp đồng cấp tín dụng số 441/2024/0053/HĐTDHM-DN/PGBankSG ngày 20/8/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe demo thời hạn không quá 5 năm và xe ô tô nhãn hiệu Ford được hình thành từ vốn vay và được phân phối bởi Công ty TNHH Ford Việt Nam.

Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 441/2024/0061/HĐTDHM-DN/PGbankSG ngày 19/09/2024. Hạn mức tín dụng: 200 tỷ. Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng. Thời hạn cho vay: Tối đa 06 tháng đối với mục đích mua hàng hóa là Ô tô từ HTV, tối đa 04 tháng đối với mục đích thanh toán lương, mua phụ tùng. Lãi suất cho vay được quy định tại từng khế ước. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh xe ô tô và phụ tùng, phụ kiện, vật tư ô tô. Tài sản đảm bảo: chi tiết theo các hợp đồng đảm bảo đối với nghĩa vụ nợ phát sinh nhằm mua hàng hóa là xe ô tô, đối với nghĩa vụ nợ phát sinh thực hiện thanh toán tiền phụ tùng, thanh toán lương không có tài sản đảm bảo.

Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Auto Bình Phước vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 948.339/2023HĐTDHM-DN/PGBankBD ngày 04/10/2023 với tổng hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, thời hạn cấp: 12 tháng, lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xe ô tô. Tài sản đảm bảo: hàng hóa là xe ô tô do HTV phân phối được hình thành từ vốn vay do PG bank cấp tín dụng với thời gian không quá 12 tháng; Các loại tài sản đảm bảo khác được quy định trong từng thời kỳ.

Khoản vay dài hạn Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng tín dụng số 441/2024/0018/HĐTD-DN/PGBankSG ngày 21/03/2024. Số tiền vay: 760.000.000 VNĐ. Thời hạn cho vay: 24 tháng. Lãi suất được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Bù đắp tiền mua Xe Ô tô nhãn hiệu Hyundai, kiểu loại Custin 2.0T. Tài sản đảm bảo là Xe Ô tô hình thành từ khoản vay.

**(19.13)** Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 27/2024/HĐTD-HM/TTKD ngày 04/11/2024 với hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động kinh doanh xe ô tô và phụ tùng ô tô thương hiệu Ford. Biện pháp đảm bảo: thế chấp bằng xe Ford hình thành từ vốn vay và/hoặc xe có sẵn trong kho mới 100%.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á theo hợp đồng tín dụng số REF2429907083/HĐCVHM ngày 07/11/2024 cụ thể như sau:

- Hạn mức vay: 100 tỷ.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

- Thời hạn vay: 6 tháng.

- Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ.

- Tài sản bảo đảm: Xe/lô xe ô tô Ford hình thành từ vốn vay và/hoặc xe có sẵn trong kho mới 100% theo hợp đồng ký ngày 24/10/2024 giữa Công ty Cổ phần Ford Việt Nam và Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

(19.14) Khoản vay từ Ngân hàng First Commercial Bank theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng First Commercial Bank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số STLUS-H30230281 ngày 16/01/2024 với hạn mức vay là 115 tỷ đồng; bên vay được rút vốn nhiều lần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Biện pháp đảm bảo:

- Tiền gửi có kỳ hạn: Bên vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 40% giá trị giải ngân dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân Vốn lưu động. Nếu tổng Dư nợ tại thời điểm thực hiện giải ngân vượt mức 70 tỷ đồng thì bên Vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 50% của phần vượt trên 70 tỷ đồng dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân vốn lưu động.
- Bảo lãnh cá nhân: là (các) bảo lãnh do Ông Trần Ngọc Dân CCCD số: 027053004885 ký phát cho Ngân hàng hưởng lợi, với nội dung là những người bảo lãnh sẽ bảo lãnh một cách không hủy ngang và vô điều kiện với Ngân hàng về việc hoàn trả đúng hạn và dứt điểm khoản Tín dụng.

(19.15) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Á Châu theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số TAT.DN.2116.310524 ngày 17/7/2024 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng;
- Thời hạn cho vay: đa không quá 06 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận vay Ngân hàng TMCP Á Châu theo hợp đồng tín dụng số TAT.DN.2859.280524 ngày 23/07/2024 cụ thể như sau:

- Hạn mức vay: 100 tỷ.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- Thời hạn vay: 12 tháng.
- Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ.
- Tài sản bảo đảm: Toàn bộ lô hàng xe Ford mới 100% do ACB tài trợ là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc là tài sản hình thành trong tương lai và văn bản bảo lãnh của Công ty Cổ phần City Auto.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Á Châu theo:

a) Hợp đồng cấp tín dụng số TAT.DN.2333.020724 ngày 17/7/2024 với tổng hạn mức vay là 200 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: tài trợ đại lý nhà phân phối Ford Việt Nam. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là toàn bộ lô hàng là Lô xe ô tô Ford mới 100% là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản hình thành trong tương lai, chủ sở hữu/ chủ sử dụng là Công ty CP City Auto trị giá 250 tỷ đồng.

b) Hợp đồng cấp tín dụng số TAT.DN.3382.271124 ngày 26/12/2024 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng kể từ ngày giao kết hợp đồng này đến ngày 17/7/2025; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động mua bán xe mới 100% thương hiệu Ford. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là toàn bộ lô hàng xe Ford mới 100% do ACB tài trợ là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản hình thành trong tương lai, bao gồm quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ thanh toán tiền, số tiền thu được, tài sản hình thành từ số tiền thu được, tài sản được thay thế, được trao đổi trong trường hợp tài sản bảo đảm được bán, được thay thế, được trao đổi; chủ sở hữu/ chủ sử dụng là Công ty CP City Auto trị giá 375 tỷ đồng.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng cấp tín dụng số KHA.DN.1867.260824 ngày 29/8/2024 với các điều khoản sau:

Hạn mức cho vay: 90 tỷ đồng

Mục đích vay: Bảo lãnh/ vay vốn bổ sung vốn lưu động kinh doanh đại lý xe ô tô

Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng.

Lãi suất vay: theo Khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo: Thế chấp/ cầm cố toàn bộ lô hàng là xe ô tô nhãn hiệu Ford, mới 100% hình thành từ vốn vay ACB (tài sản hình thành trong tương lai) với trị giá là 112.500.000.000 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

(19.16) Khoản vay tài chính dài hạn Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận với Công ty cho thuê tài chính BIDV – SuMi TRUST Chi nhánh TP HCM theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21823000030/HĐCTTC ngày 08/02/2023 cụ thể như sau:

- Mục đích vay: Mua sắm máy móc thiết bị

- Khoản nợ vay: 4.995.880.230 VNĐ.

- Thời hạn vay: 48 tháng

- Ngày hết hạn dự kiến: 16/03/2027

- Lãi suất: 9,2% trong 3 tháng đầu, sau đó lãi suất lãi suất sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ, điều chỉnh 3 tháng/ lần.

- Bên bảo lãnh: Công ty Cổ phần City Auto.

**20. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

|                       | Năm 2024             | Năm 2023             |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm         | 1.482.740.779        | 2.533.808.778        |
| Tăng do trích quỹ     | -                    | -                    |
| Giảm do chi quỹ       | (467.445.440)        | (1.051.067.999)      |
| <b>Số dư cuối năm</b> | <b>1.015.295.339</b> | <b>1.482.740.779</b> |

**21. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                          | 01/01/2023             | Tăng                   | Giảm                  | 31/12/2023             |
|--------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| - Vốn góp của chủ sở hữu | 760.175.420.000        | 133.789.210.000        | -                     | 893.964.630.000        |
| - Thặng dư vốn cổ phần   | -                      | 19.004.385.000         | -                     | 19.004.385.000         |
| - Quỹ Đầu tư phát triển  | 4.367.682.760          | -                      | -                     | 4.367.682.760          |
| - Quỹ khác               | 1.215.200.961          | -                      | -                     | 1.215.200.961          |
| - LNST chưa phân phối    | 128.077.046.468        | 40.987.323.009         | 95.780.440.000        | 73.283.929.477         |
| <b>Cộng</b>              | <b>893.835.350.189</b> | <b>193.780.918.009</b> | <b>95.780.440.000</b> | <b>991.835.828.198</b> |

|                          | 01/01/2024             | Tăng                   | Giảm                  | 31/12/2024               |
|--------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|
| - Vốn góp của chủ sở hữu | 893.964.630.000        | 62.573.960.000         | -                     | 956.538.590.000          |
| - Thặng dư vốn cổ phần   | 19.004.385.000         | -                      | -                     | 19.004.385.000           |
| - Quỹ Đầu tư phát triển  | 4.367.682.760          | -                      | -                     | 4.367.682.760            |
| - Quỹ khác               | 1.215.200.961          | -                      | -                     | 1.215.200.961            |
| - LNST chưa phân phối    | 73.283.929.477         | 46.431.500.593         | 62.573.960.000        | 57.141.470.070           |
| <b>Cộng</b>              | <b>991.835.828.198</b> | <b>109.005.460.593</b> | <b>62.573.960.000</b> | <b>1.038.267.328.791</b> |

**b) Lợi nhuận chưa phân phối**

|  | Năm 2024              | Năm 2023              |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm         | 73.283.929.477        | 128.077.046.468       |
| - Lợi nhuận phát sinh trong năm          | 46.431.500.593        | 40.987.323.009        |
| - Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu    | (62.573.960.000)      | (95.780.440.000)      |
| <b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b> | <b>57.141.470.070</b> | <b>73.283.929.477</b> |

c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 19 ngày 23/12/2024 là 956.538.590.000 đồng tương đương 95.653.859 Cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phiếu.

| Cổ phiếu  | Số cuối năm    | Số đầu năm     |
|---|----------------|----------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành           | 95.653.859     | 89.396.463     |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng        | 95.653.859     | 89.396.463     |
| + Cổ phiếu phổ thông                            | 95.653.859     | 89.396.463     |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | -              | -              |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành               | 95.653.859     | 89.396.463     |
| + Cổ phiếu phổ thông                            | 95.653.859     | 89.396.463     |
| * Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:              | 10.000 đồng/cp | 10.000 đồng/cp |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

| 22. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| + Vốn góp của cổ đông không kiểm soát   | 87.502.000.000        | 82.002.000.000        |
| + Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát  | 7.904.987.302         | 10.140.912.017        |
| + Chi cổ tức cho cổ đông không kiểm soát  | (7.729.744.348)       | (5.888.466.744)       |
| + Chuyển lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát sang lợi nhuận công ty mẹ do chuyển nhượng cổ phần | (3.136.284.405)       | (3.136.284.405)       |
| + Điều chỉnh sang Lợi nhuận chưa phân phối  | (421.298.840)         | (421.466.716)         |
| + Trích lập các quỹ   | 125.282.752           | 125.282.752           |
| <b>Cộng</b>   | <b>84.244.942.461</b> | <b>82.821.976.904</b> |

| 23. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán | Số cuối năm   | Số đầu năm    |
|---|---------------|---------------|
| - Nợ khó đòi đã xử lý                       | 5.356.110.813 | 5.356.110.813 |

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | Năm 2024                 | Năm 2023                 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| - Doanh thu bán hàng hoá                  | 8.130.359.767.117        | 6.998.966.409.773        |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ              | 410.601.923.609          | 386.912.046.684          |
| <b>Cộng</b>                               | <b>8.540.961.690.726</b> | <b>7.385.878.456.457</b> |

**Các khoản giảm trừ**

|                             |                          |                          |
|-----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chiết khấu thương mại       | 511.509.092              | 57.454.545               |
| Hàng bán bị trả lại         | 366.335.163.857          | 282.736.563.237          |
| Giảm giá hàng bán           | 40.690.909               | 2.301.472.218            |
| <b>Cộng doanh thu thuần</b> | <b>8.174.074.326.868</b> | <b>7.100.782.966.457</b> |

**Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                            |                          |                          |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán xe           | 7.563.087.951.612        | 6.588.643.055.811        |
| Doanh thu bán phụ tùng     | 201.324.447.790          | 125.448.586.545          |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 376.704.475.141          | 345.707.494.752          |
| Doanh thu khác             | 32.957.452.325           | 40.983.829.349           |
| <b>Cộng</b>                | <b>8.174.074.326.868</b> | <b>7.100.782.966.457</b> |

| 2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ | Năm 2024                 | Năm 2023                 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| - Giá vốn xe đã bán                     | 7.313.921.816.789        | 6.390.249.682.376        |
| - Giá vốn hàng hóa đã bán               | 164.520.205.092          | 82.395.405.660           |
| - Giá vốn dịch vụ cung cấp              | 209.367.883.276          | 197.885.184.769          |
| - Giá vốn khác                          | 12.696.895.159           | 20.232.790.767           |
| <b>Cộng</b>                             | <b>7.700.506.800.316</b> | <b>6.690.763.063.572</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

|  | Năm 2024               | Năm 2023               |
|--|------------------------|------------------------|
| <b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>                        |                        |                        |
| - Lãi tiền gửi ngân hàng                                       | 1.933.816.878          | 881.381.056            |
| - Chiết khấu thanh toán được hưởng                             | 135.972.824            | 328.622.183            |
| - Lãi từ khoản ký quỹ, cho vay                                 | 138.331.384.918        | 134.439.772.803        |
| - Lãi từ đầu tư  | 85.750.000.000         | 48.980.363.781         |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá  | -                      | 176.410                |
| <b>Cộng</b>  | <b>226.151.174.620</b> | <b>184.630.316.233</b> |
| <b>4. Chi phí tài chính</b>                                    |                        |                        |
| - Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu                              | 176.547.072.111        | 157.774.499.055        |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá   | 144.846                | 38.800.680             |
| - Chi phí tài chính khác                                       | -                      | 5.816.257              |
| <b>Cộng</b>  | <b>176.547.216.957</b> | <b>157.819.115.992</b> |
| <b>5. Chi phí bán hàng</b>                                     |                        |                        |
| - Chi phí nhân viên  | 133.106.881.341        | 114.844.926.538        |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ  | 11.163.248.782         | 10.521.872.379         |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài                                    | 84.173.859.029         | 70.462.227.321         |
| - Chi phí hoa hồng bán hàng, khuyến mãi, hàng tặng             | 66.296.499.438         | 42.152.668.021         |
| - Chi phí bằng tiền khác                                       | 49.531.412.231         | 69.143.934.270         |
| <b>Cộng</b>  | <b>344.271.900.821</b> | <b>307.125.628.529</b> |
| <b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>                         |                        |                        |
| - Chi phí nhân viên quản lý                                    | 55.122.661.435         | 48.625.925.455         |
| - Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng                          | 4.153.820.764          | 3.621.843.405          |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ  | 9.992.893.860          | 8.066.007.299          |
| - Lợi thế thương mại phân bổ                                   | 14.152.792.404         | 14.152.792.404         |
| - Chi phí dự phòng phải thu khó đòi                            | -                      | (3.570.151.900)        |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài                                    | 45.999.986.445         | 32.846.873.059         |
| - Chi phí bằng tiền khác                                       | 9.004.521.884          | 8.878.314.911          |
| <b>Cộng</b>  | <b>138.426.676.792</b> | <b>112.621.604.633</b> |
| <b>7. Thu nhập khác</b>  |                        |                        |
| - Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định                         | 4.496.175.479          | 1.323.068.259          |
| - Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện, bán hàng từ nhà cung cấp | 15.285.401.162         | 33.610.870.651         |
| - Xử lý công nợ lâu năm  | -                      | 717.835.060            |
| - Thu nhập khác  | 6.409.005.266          | 3.230.384.653          |
| <b>Cộng</b>  | <b>26.190.581.907</b>  | <b>38.882.158.623</b>  |
| <b>8. Chi phí khác</b>   |                        |                        |
| - Chi phí phạt, nộp chậm thuế                                  | 7.469.930.315          | 705.550.742            |
| - Chi phí khác   | 2.147.318.609          | 1.380.237.208          |
| <b>Cộng</b>  | <b>9.617.248.924</b>   | <b>2.085.787.950</b>   |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

|  | Năm 2024                 | Năm 2023                 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| <b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>                                     |                          |                          |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP City Auto                                       | 5.768.404.951            | 404.706.772              |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP ô tô Phú Mỹ                                     | 1.543.263.374            | 4.360.359.860            |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP ô tô Nha Trang                                  | 1.050.772.532            | 1.814.869.496            |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP Auto Trường Chinh                               | -                        | 2.335.738.940            |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP Auto Tân Thuận                                  | 747.983.557              | 917.444.975              |
| <b>Cộng</b>  | <b>9.110.424.414</b>     | <b>9.833.120.043</b>     |
| <b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>  | <b>Năm 2024</b>          | <b>Năm 2023</b>          |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó:                                | 47.935.815.171           | 44.047.120.594           |
| - Lợi ích của cổ đông không kiểm soát  | 1.504.314.578            | 3.059.797.585            |
| - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ  | 46.431.500.593           | 40.987.323.009           |
| Lợi nhuận dùng trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi   | -                        | -                        |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ                      | 46.431.500.593           | 40.987.323.009           |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm                              | 89.533.237               | 79.316.465               |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>  | <b>519</b>               | <b>517</b>               |
| <b>11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>  | <b>Năm 2024</b>          | <b>Năm 2023</b>          |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 46.431.500.593           | 40.987.323.009           |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm                              | 89.533.237               | 79.316.465               |
| <b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>  | <b>519</b>               | <b>517</b>               |
| <b>12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>   | <b>Năm 2024</b>          | <b>Năm 2023</b>          |
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ   | 7.687.809.905.157        | 6.670.530.272.805        |
| - Chi phí nhân công  | 188.229.542.776          | 163.470.851.993          |
| - Chi phí khấu hao   | 21.158.323.524           | 18.622.272.814           |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài  | 130.173.845.474          | 103.309.100.380          |
| - Chi phí khác   | 155.833.760.998          | 154.577.798.742          |
| <b>Cộng</b>  | <b>8.183.205.377.929</b> | <b>7.110.510.296.734</b> |

## VII. Những thông tin khác

### 1. Thông tin về các bên liên quan

#### a/ Các bên liên quan

##### Bên liên quan

Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô  
Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương  
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

##### Mối quan hệ

Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt  
Công ty liên kết  
Thành viên quản lý chủ chốt

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan**

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

**1. Bên liên quan là pháp nhân**

| Bên liên quan                           | Mối liên kết                                | Nội dung                 | Số tiền         |
|---|---|--------------------------|-----------------|
| Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương | Công ty liên kết                            | Bán hàng hóa và dịch vụ  | 1.188.671.471   |
|   |   | Mua hàng hóa và dịch vụ  | 5.505.750       |
|   |   | Doanh thu tài chính khác | 1.917.808       |
| Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô        | Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt | Bán hàng hóa và dịch vụ  | 521.656.149.681 |
|   |   | Mua hàng hóa và dịch vụ  | 299.140.894.185 |
|   |   | Doanh thu tài chính khác | 78.320.103.651  |
|   |   | Lãi vay                  | 35.442.695      |

**2. Bên liên quan là các thành viên quản lý****Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc**

|                            |                                 |            |             |
|----------------------------|---------------------------------|------------|-------------|
| Ông Trần Ngọc Dân          | Chủ tịch HĐQT/ Cố vấn điều hành | Thù lao    | 240.000.000 |
|                            |                                 | Tiền lương | -           |
| Ông Trần Lâm               | Thành viên/ Tổng Giám đốc       | Thù lao    | 60.000.000  |
|                            |                                 | Tiền lương | 70.920.000  |
| Ông Nguyễn Đăng Hoàng      | Thành viên/ Tổng Giám đốc       | Thù lao    | 60.000.000  |
|                            |                                 | Tiền lương | 464.559.000 |
| Ông Trần Quang Trí         | Thành viên                      | Thù lao    | 30.000.000  |
| Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến | Thành viên                      | Thù lao    | 30.000.000  |
| Ông Phan Hoàng Sơn         | Thành viên                      | Thù lao    | 60.000.000  |

**Ban Kiểm soát**

|                        |                                      |         |            |
|------------------------|--------------------------------------|---------|------------|
| Ông Đào Trọng Vũ       | Trưởng ban (đã miễn nhiệm trong năm) | Thù lao | 18.000.000 |
| Bà Hoàng Thị Thanh Hải | Trưởng ban                           | Thù lao | 18.000.000 |
| Ông Lê Danh Thủ        | Thành viên (đã miễn nhiệm trong năm) | Thù lao | 18.000.000 |
| Bà Trần Thị Ân         | Thành viên                           | Thù lao | 18.000.000 |
| Bà Đỗ Thị Như Duyên    | Thành viên                           | Thù lao | 36.000.000 |

Số dư phải thu/ (phải trả) đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc năm tài chính:

| Bên liên quan                           | Mối liên kết                                | Nội dung                 | Số tiền         |
|---|---|--------------------------|-----------------|
| Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương | Công ty liên kết                            | Phải thu khách hàng      | 1.297.073.607   |
|   |   | Phải thu khác            | 3.367.130.686   |
|   |   | Trả trước cho người bán  | 101.000.000     |
|   |   | Phải trả người bán       | 5.991.210       |
| Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô        | Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt | Phải thu khách hàng      | 413.483.813.235 |
|   |   | Phải thu khác            | 180.934.652.782 |
|   |   | Ký quỹ dài hạn           | 334.601.000.000 |
|   |   | Phải trả người bán       | 13.028.364.228  |
|   |   | Người mua trả tiền trước | 716.150.000     |
|   |   | Trả trước cho người bán  | 169.428.070.588 |
|   |   | Phải trả khác            | 50.000.000      |

**2. Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Không có bất kỳ yếu tố nào làm ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục của đơn vị cần phải giải thích.

**3. Thông tin về Báo cáo bộ phận**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh: bộ phận kinh doanh xe, bộ phận dịch vụ sửa chữa, bộ phận kinh doanh phụ tùng, phụ kiện.

**a. Báo cáo bộ phận năm 2024**

| Chỉ tiêu  | Kinh doanh xe          | Dịch vụ sửa chữa       | Kinh doanh phụ tùng   | Tổng cộng                |
|---|------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|
| 1. Doanh thu thuần                              | 7.563.087.951.612      | 409.661.927.466        | 201.324.447.790       | 8.174.074.326.868        |
| 2. Giá vốn hàng bán                             | 7.313.921.816.789      | 222.064.778.435        | 164.520.205.092       | 7.700.506.800.316        |
| <b>3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b> | <b>249.166.134.823</b> | <b>187.597.149.031</b> | <b>36.804.242.698</b> | <b>473.567.526.552</b>   |
| 4. Tài sản bộ phận                              |                        |                        |                       | -                        |
| 5. Tài sản không phân bổ                        |                        |                        |                       | 3.917.631.338.920        |
| <b>Tổng tài sản</b>                             |                        |                        |                       | <b>3.917.631.338.920</b> |
| 6. Nợ phải trả bộ phận                          |                        |                        |                       | -                        |
| 7. Nợ phải trả không phân bổ                    |                        |                        |                       | 2.795.119.067.668        |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                         |                        |                        |                       | <b>2.795.119.067.668</b> |

**b. Báo cáo bộ phận năm 2023**

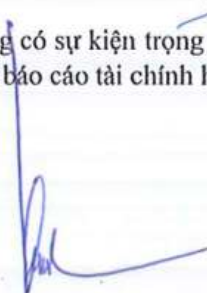
| Chỉ tiêu  | Kinh doanh xe          | Dịch vụ sửa chữa       | Kinh doanh phụ tùng   | Tổng cộng                |
|---|------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|
| 1. Doanh thu thuần                              | 6.588.643.055.811      | 386.691.324.101        | 125.448.586.545       | 7.100.782.966.457        |
| 2. Giá vốn hàng bán                             | 6.390.249.682.376      | 218.117.975.536        | 82.395.405.660        | 6.690.763.063.572        |
| <b>3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b> | <b>198.393.373.435</b> | <b>168.573.348.565</b> | <b>43.053.180.885</b> | <b>410.019.902.885</b>   |
| 4. Tài sản bộ phận                              |                        |                        |                       | -                        |
| 5. Tài sản không phân bổ                        |                        |                        |                       | 3.657.456.636.415        |
| <b>Tổng tài sản</b>                             |                        |                        |                       | <b>3.657.456.636.415</b> |
| 6. Nợ phải trả bộ phận                          |                        |                        |                       | -                        |
| 7. Nợ phải trả không phân bổ                    |                        |                        |                       | 2.582.798.831.313        |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                         |                        |                        |                       | <b>2.582.798.831.313</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**4. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Trương Thị Hồng Vân  
Người lập biểu  
Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Lê Thị Phú  
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Dân  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

